

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2018/HNGĐ - ST

Ngày 26/10/2018

V/v: Ly hôn giữa anh T và chị B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phương Văn Tư;

2. Bà Bé Thị Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Công Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử công khai vụ án thụ lý số 38 /2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX - ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: **Anh Triệu Ích T**; Sinh năm: 1965

Trú tại: xóm B D - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

Bị đơn: **Chị Hoàng Thị B**; Sinh năm: 1964

Trú tại: xóm B D - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:

1, **Triệu Ích T**, sinh năm 1988;

Trú tại: xóm B D - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

2, **Triệu Ích T**, Sinh năm 1989,

Trú tại: xóm B D - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

3, **Triệu Ích T**, sinh năm 1991,

Trú tại: xóm B D - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt) có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Triệu Ích T trình bày như sau: Anh T kết hôn với chị Hoàng Thị B vào năm 1983, việc kết hôn trên cơ sở là do bố mẹ hai bên gia đình sắp đặt và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ T, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Hai vợ chồng có thời gian sống chung và có với nhau 03 con chung con cả là Triệu Ích T sinh ngày 06/01/1988, con thứ hai Triệu Ích T sinh ngày 01/01/1989 và con thứ ba Triệu Ích T sinh ngày 12/7/1991 các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Hiện nay các con đều trú tại: xóm B D - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất hay xảy ra nhiều mâu thuẫn. chị B không tạo điều kiện thuận lợi cho tôi (T) an tâm công tác, không phục vụ tôi trong lúc ốm đau, hay đánh ghen khi tôi về trễ giờ, hay nghe người khác súi dục làm phá vỡ hạnh phúc gia đình, tư tưởng lúc nào cũng bức tức, hăm dọa, trách móc, chửi bới, uy hiếp tinh thần tôi, gây bất hoà mất đoàn kết trong gia đình. Tôi cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với chị B được nữa, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2011.

Tài sản chung có ruộng rẫy là thừa kế của ông bà để lại tôi để cho các con thừa kế, về nhà ở giao cho các con được hưởng thừa kế nếu chị B ở với con nào thì theo con đó.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ vợ chồng cho tôi được ly hôn với chị Hoàng Thị B; Về con chung: Các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, còn con út Triệu Ích T chưa lập gia đình tôi sẽ có trách nhiệm lo cho con; Về tài sản để lại cho các con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 25 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn Hoàng Thị B trình bày như sau: Xác nhận về thời gian kết hôn, việc kết hôn, đăng ký kết hôn, tài sản và con chung đúng như anh T đã trình bày. Cưới xong vợ chồng có tình cảm sống hoà thuận, gia đình hạnh phúc. Nguyên nhân lý do anh T xin ly hôn tôi (B) là vì anh đi công tác có quan hệ bất chính với cô Nông Thị Th tại tổ 11 thị trấn T K, huyện T K, anh T không quan tâm đến tôi nữa, anh T chửi bới tôi và đuổi tôi và các con ra khỏi nhà. Từ đấy vợ chồng không được hoà thuận gia đình không được hạnh phúc nên anh T xin ly hôn tôi.

Về tài sản hồi môn ngày cưới không có; tài sản chung có ruộng rẫy, 01 ngôi nhà cấp 4.

Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ vợ chồng anh T yêu cầu xin ly hôn tôi không nhất trí yêu cầu được đoàn tụ lại gia đình.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Triệu Ích T, Triệu Ích T, Triệu Ích T chúng tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn, chúng tôi quan hệ với ông T và bà B chúng tôi là con đẻ ông T và bà B.

Bố mẹ tôi kết hôn năm 1983 trong thời gian bố mẹ tôi sống chung với nhau hoà thuận gia đình hạnh phúc. Nhưng mấy năm gần đây bố mẹ tôi Thường xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bố chúng tôi muốn thuận tình ly hôn và cũng đã được họp gia đình nhưng bố mẹ không thống nhất được. Bố đã quyết định ly hôn với mẹ thì chúng tôi phải theo, chúng tôi đồng ý theo ý kiến của bố được ly hôn với mẹ với điều kiện khi ly hôn không lấy vợ khác về sống chung với gia đình còn về tài sản yêu cầu để cho chúng tôi được hưởng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp Ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Triệu Ích T yêu cầu ly hôn với chị Hoàng Thị B.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh T và chị B có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Anh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T K, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B là quan hệ hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại UBND xã Đ Th, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung hơn 35 năm, có thời gian sống hạnh phúc và đã có với nhau

03 con chung tên Triệu ích T sinh ngày 06/01/1988, Triệu ích T sinh ngày 01/01/1989 và Triệu ích T 12/7/1991.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo anh T trình bày là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị B không thông cảm chia sẻ tình cảm cho chồng mà con hay ghen khi anh đi làm về trễ giờ, hay nghe người khác súi dục làm phá vỡ hạnh phúc gia đình, tư tưởng lúc nào cũng bức tức, hăm dọa, trách móc, chửi bới, uy hiếp tinh thần anh, gây bất hoà mất đoàn kết trong gia đình và có những hành vi trái với quy tắc ứng xử trong cuộc sống, làm ảnh hưởng đến đời sống cũng như sự nghiệp của anh. Anh đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chị B vẫn không thay đổi, anh cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với chị B được nữa anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2011 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị B trình bày: Do anh T đi công tác có quan hệ bất chính với cô Nông Thị T tại tổ 11 thị trấn T K, huyện T K, anh T không quan tâm đến vợ con từ đấy hai vợ chồng không được hoà thuận, gia đình không được hạnh phúc. Nên anh T xin ly hôn và tôi cũng nhất trí được ly hôn với điều kiện không cho người khác vào nhà tài sản để lại cho các con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T không còn tình cảm với chị B, anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Xét thấy anh T và chị B đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay không còn tình cảm vợ chồng, anh T và chị B không thể hàn gắn quay lại sống chung với nhau được nữa và anh chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng trong một thời gian dài. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T làm đơn xin ly hôn với chị B là có căn cứ, đúng pháp luật và đúng với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, còn con út Triệu ích T anh T có trách nhiệm dựng vợ cho không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản: để lại cho các con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Triệu Ích T và chị Hoàng Thị B được ly hôn.

2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Để lại cho các con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T K theo Biên lai số AA/2011/000133 ngày 12 tháng 9 năm 2018.

5. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa dân sự TAND tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND xã Đ T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)**

La Văn Viên